

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	100	74			
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp, ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)					Kế hoạch dạy học trực tuyến - Năm học 2024-2025
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.					Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tư xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học. (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh. (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên. (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	30	18	Tối đa 6 điểm Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Google form: https://vietnix.vn/google-form-la-gi/ Hướng dẫn sử dụng phần mềm OLM: https://olm.vn/chu-de/danh-cho-giao-vien-498255 Phần mềm hỗ trợ dạy học: azota, clasim,...
1.4	Số lượng học liệu được số hoá (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt)	10	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 4 điểm. Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Video bài giảng điện tử: https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1zBw0K1HK3lj-P_g6kcWh_Tb760aNXq3- Tất cả giáo viên đều sử dụng bài giảng điện tử để giảng dạy.
1.5	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: Có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.	20	13	Tối đa 15 điểm Tối đa 5 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	- Sử dụng phần mềm NetSupport School để thực hiện kiểm tra trên phòng máy tính. - Phòng máy có máy tính kết nối mạng LAN để thực hiện kiểm tra.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.	20	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	- 100% tham gia BDTX trực tuyến để bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn sử dụng hiệu quả ứng dụng CNTT. - 100% cán bộ quản lý biết sử dụng, khai thác dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống CNTT của đơn vị đang triển khai để phục vụ công tác quản lý, điều hành như: phần mềm quản lý nhà trường, CSDL ngành, quản lý CCVC, các trang thông tin điện tử,... - 100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử (video bài dạy, bài giảng điện tử, ứng dụng AI vào giảng dạy,...) - Video bài giảng điện tử: https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1zBw0K1Hk3lj-P_g6kcWh_Tb760aNXq3
	Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học			<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		
	Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử			<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		
1.7	Ha tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	13	<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Quyết định về việc Ban hành quy chế quản lý, giám sát và vận hành hạ tầng hệ thống CNTT. Đạt tỷ lệ 73% phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet (Bảng thống kê thiết bị hỗ trợ dạy học).
	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học			Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm		Bảng tổng hợp, thống kê số lượng các phòng dạy môn tin học và trang thiết bị của phòng học của đơn vị. Đáp ứng 2 học sinh/máy.
	Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)			Tối đa 5 điểm		Nhà trường không có phòng studio.
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100	90			
2.1	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)					Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT và chuyển đổi số năm học 2024-2025
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số					Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số năm học 2024-2025
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	60	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 - 50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	Quyết định Ban hành Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường năm học 2024-2025
	Có triển khai phần hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)			Tối đa 6 điểm		Có triển khai phần hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập): https://truong.binhduong.edu.vn/
	Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử			- File PDF: tối đa 3 điểm; - Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm		Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (áp dụng chứng thư số): https://truong.binhduong.edu.vn/
	Có triển khai phần hệ quản lý đội ngũ CBVCNV			Tối đa 6 điểm		Có triển khai phần hệ quản lý đội ngũ CBVCNV: https://truong.binhduong.edu.vn/ và https://binhduong.vnerv.vn/
	Có triển khai phần hệ quản lý cơ sở vật chất			Tối đa 10 điểm		Có triển khai phần hệ quản lý cơ sở vật chất: https://www.misa.vn/
	Có triển khai phần hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh			Tối đa 10 điểm		Không có.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	Có triển khai phần hệ quản lý kế toán			Tối đa 6 điểm		Có triển khai phần hệ quản lý kế toán: https://www.misa.vn/
	Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)			Tối đa 6 điểm		Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành: https://truong.binhduong.edu.vn/
2.4	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	- Công thông tin điện tử nhà trường: http://thanson.pgdtptthuanan.edu.vn/ - Trang thông tin facebook nhà trường: https://www.facebook.com/share/14Eb8jbT215/ - Ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường: Enetviet.
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến			Tối đa 12 điểm		- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: http://tsbinhduong.tsdc.vn/
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt			Tối đa 10 điểm		- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng BIDV. - Tỷ lệ thu phí 100%.
	Cộng	200	164			

An Sơn, ngày 9 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Tâm

